

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI
TRƯỜNG
Số: 05/2016/TT-BTNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 13 tháng 5 năm 2016

THÔNG TƯ

Quy định nội dung quan trắc khí tượng thủy văn đối với trạm thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia

Căn cứ Luật khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu, Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định nội dung quan trắc khí tượng thủy văn đối với trạm thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia:

Điều 1. Phạm vi Điều chỉnh

Thông tư này quy định nội dung quan trắc khí tượng thủy văn đối với trạm thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 13 của Luật khí tượng thủy văn.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động quan trắc khí tượng thủy văn của trạm thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. Thủy trực là một đường thẳng đứng, có vị trí xác định trong mặt cắt của sông, suối, kênh, rạch, hồ tại đó thực hiện quan trắc các yếu tố thủy văn.
2. Thủy trực đại biểu là thủy trực được chọn trong số các thủy trực của mặt cắt ngang có tính đại diện cho toàn mặt ngang về một hoặc nhiều yếu tố thủy văn.

Điều 4. Quy định chung

1. Nội dung quan trắc khí tượng thủy văn đối với trạm thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia bao gồm: yếu tố quan trắc, chế độ quan trắc và chế độ truyền phát số liệu quan trắc khí tượng thủy văn.
2. Trong Điều kiện khí tượng thủy văn bình thường, các trạm thực hiện quan trắc và truyền phát số liệu quan trắc khí tượng thủy văn theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8 của Thông tư này.
3. Trong Điều kiện xảy ra thiên tai khí tượng thủy văn, Trung tâm Khí tượng Thủy văn quốc gia phải tăng cường chế độ quan trắc và chế độ truyền phát số liệu quan trắc khí tượng thủy văn tại các trạm để đáp ứng yêu cầu dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.
4. Các trạm khí tượng thủy văn quy định tại Khoản 1, Khoản 2, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7 và Khoản 9 Điều 5 của Thông tư này khi được thay thế bằng trạm tự động hoặc thiết bị tự động thì chế độ quan trắc và chế độ truyền phát số liệu quan trắc khí tượng thủy văn được tăng cường tùy thuộc vào tính năng của thiết bị, công nghệ quan trắc và năng lực tiếp nhận của hệ thống thông tin chuyên ngành khí tượng thủy văn.
5. Trạm giám sát biến đổi khí hậu gồm các trạm được lựa chọn trong số các trạm khí tượng thủy văn gọi là trạm khí tượng thủy văn tham chiếu và các trạm giám sát biến đổi khí hậu độc lập, quy định như sau:
 - a) Trạm khí tượng tham chiếu được lựa chọn từ các trạm khí tượng, bảo đảm nghiêm ngặt về hành lang kỹ thuật công trình, có tính đại diện cho một vùng khí hậu

của Việt Nam, đã có thời gian quan trắc trên 30 năm và có khả năng tiếp tục quan trắc lâu dài;

b) Trạm thủy văn tham chiếu được lựa chọn từ các trạm thủy văn, bảo đảm nghiêm ngặt về hành lang kỹ thuật công trình, đảm bảo trạng thái dòng chảy tự nhiên của các sông trên lãnh thổ Việt Nam, đã có thời gian quan trắc trên 30 năm và có khả năng tiếp tục quan trắc lâu dài;

c) Trạm hải văn tham chiếu được lựa chọn từ mạng lưới trạm hải văn, bảo đảm nghiêm ngặt về hành lang kỹ thuật công trình, đặc trưng cho một vùng biển ven bờ hoặc hải đảo trên vùng biển Việt Nam, đã có thời gian quan trắc trên 30 năm và có khả năng tiếp tục quan trắc lâu dài;

d) Trạm giám sát biến đổi khí hậu độc lập được xây dựng riêng theo yêu cầu kỹ thuật, tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế.

6. Thời gian quan trắc và truyền phát số liệu quan trắc khí tượng thủy văn trong Thông tư này được quy định theo giờ Hà Nội (giờ GMT+7).

Điều 5. Trạm thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia

Trạm thuộc mạng lưới trạm khí tượng thủy văn quốc gia quy định tại Khoản 17, Khoản 18 Điều 3 của Luật khí tượng thủy văn gồm:

1. Trạm khí tượng bề mặt:

a) Trạm khí tượng hạng 1;

b) Trạm khí tượng hạng 2;

c) Trạm khí tượng hạng 3.

2. Trạm khí tượng trên cao:

a) Trạm thám không vô tuyến;

b) Trạm đo gió cắt lớp;

c) Trạm đo gió Pilot.

3. Trạm ra đa thời Tiết.

4. Trạm khí tượng nông nghiệp:

a) Trạm khí tượng nông nghiệp hạng 1;

b) Trạm khí tượng nông nghiệp hạng 2;

c) Trạm khí tượng nông nghiệp hạng 3.

5. Trạm thủy văn:

a) Trạm thủy văn hạng 1;

b) Trạm thủy văn hạng 2;

c) Trạm thủy văn hạng 3.

6. Trạm hải văn:

a) Trạm hải văn hạng 1;

b) Trạm hải văn hạng 2.

7. Trạm đo mưa.

8. Trạm định vị sét.

9. Trạm giám sát biến đổi khí hậu:

a) Trạm khí tượng tham chiếu;

b) Trạm thủy văn tham chiếu;

c) Trạm hải văn tham chiếu;

d) Trạm giám sát biến đổi khí hậu độc lập.

10. Trạm chuyên đề:

a) Trạm bức xạ;

b) Trạm ôzôn - bức xạ cực tím;

c) Trạm quan trắc ôzôn phân tầng;

d) Trạm thu ảnh vệ tinh khí tượng.

Điều 6. Yếu tố quan trắc khí tượng thủy văn

1. Trạm khí tượng hạng 1 quan trắc các yếu tố:

a) Bức xạ;

b) Áp suất khí quyển;

c) Gió bề mặt;

d) Bốc hơi;

đ) Nhiệt độ không khí;

e) Nhiệt độ đất;

g) Nhiệt độ không khí và nhiệt độ mặt đất tối cao;

h) Nhiệt độ không khí và nhiệt độ mặt đất tối thấp;

i) Độ ẩm không khí;

k) Mưa;

l) Tầm nhìn xa;

m) Hiện tượng khí tượng;

n) Thời gian nắng;

o) Mây;

p) Thời Tiết đã qua;

q) Thời Tiết hiện tại;

r) Trạng thái mặt đất.

2. Trạm khí tượng hạng 2 quan trắc các yếu tố quy định từ Điểm b đến Điểm r Khoản 1 của Điều này. Trường hợp quan trắc 8 lần một ngày được coi là trạm hạng 1.

3. Trạm khí tượng hạng 3 quan trắc các yếu tố quy định từ Điểm c đến Điểm r Khoản 1 của Điều này.

4. Trạm thám không vô tuyến quan trắc các yếu tố trên cao:

a) Áp suất khí quyển;

b) Nhiệt độ không khí;

c) Độ ẩm không khí;

d) Gió.

5. Trạm đo gió cắt lớp quan trắc: Gió trên cao theo từng lớp.

6. Trạm đo gió Pilot quan trắc: Gió trên cao.

7. Trạm ra đa thời Tiết quan trắc:

a) Các hiện tượng thời Tiết nguy hiểm;

b) Trường mây;

c) Trường mưa;

d) Trường gió hướng tâm.

8. Trạm khí tượng nông nghiệp hạng 1 quan trắc các yếu tố:

a) Các yếu tố khí tượng quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Thông tư này;

b) Nhiệt độ đất tại các lớp đất sâu, nhiệt độ nước trên ruộng;